

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP.HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG CHẤM THI NGHỀ THPT
KHÓA THI NGÀY 04/7/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO KỲ THI NGHỀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	Học sinh trường	Môn thi	Điểm phúc khảo	
						LT	KQXL
1	HĐ 18: Lê Thánh Tôn	806061	Nguyễn Thị Minh Thư	QT Bắc Mỹ	Tin học	8.80	Khá
2		805934	Hoàng Phạm Bảo Ngân	QT Bắc Mỹ	Tin học	4.40	Hồng
3		805753	Nguyễn Hoàng Ân	QT Bắc Mỹ	Tin học	8.80	Khá
4		202764	Phạm Nguyễn Hạ Lan	Lê Thánh Tôn	Điện	5.00	Trung bình
5		202775	Lê Thanh Ngân	Lê Thánh Tôn	Điện	5.00	Trung bình
6		805788	Lê Xuân Đan	Lê Thánh Tôn	Tin học	5.00	Trung bình
7		805791	Huỳnh Tấn Đạt	Lê Thánh Tôn	Tin học	5.00	Trung bình
8		805888	Trần Tùng Lâm	Lê Thánh Tôn	Tin học	5.00	Trung bình
9		805943	Nguyễn Bích Ngọc	Lê Thánh Tôn	Tin học	5.00	Trung bình
10		806010	Trần Nguyễn Thiên Tài	Lê Thánh Tôn	Tin học	4.60	Hồng
11	HĐ 50: Củ Chi	100089	Trần Hoàng Anh	Củ Chi	Chăn nuôi	3.80	Hồng
12		100118	Hoàng Vũ Cơ	Củ Chi	Chăn nuôi	4.60	Hồng
13		100173	Dương Thị Mỹ Hạnh	Củ Chi	Chăn nuôi	3.20	Hồng
14		100440	Phùng Anh Quân	Củ Chi	Chăn nuôi	3.60	Hồng
15		100490	Lê Quốc Thanh	Củ Chi	Chăn nuôi	4.00	Hồng
16		100551	Nguyễn Thị Minh Thư	Củ Chi	Chăn nuôi	4.00	Hồng
17		100551	Trần Thị Anh Thư	Củ Chi	Chăn nuôi	4.20	Hồng
18		100607	Huỳnh Thị Thanh Trúc	Củ Chi	Chăn nuôi	4.40	Hồng
19		100633	Đỗ Đức Tùng	Củ Chi	Chăn nuôi	5.00	Trung bình
20		100634	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Củ Chi	Chăn nuôi	4.20	Hồng
21		100673	Trần Hoàng Hải Yến	Củ Chi	Chăn nuôi	5.00	Trung bình
22		207373	Nguyễn Thị Lan Trinh	Củ Chi	Điện	5.00	Trung bình
23	HĐ 80: Linh Trung	301478	Nguyễn Trần Tiên	Đào Sơn Tây	Làm vườn	8.00	Khá
24	HĐ 69: Nguyễn Thượng Hiền	210030	Nguyễn Hoàng Phương An	Thái Bình	Điện	6.20	Trung bình
25		210061	Bùi Nguyễn Tấn Khang	Thái Bình	Điện	6.80	Trung bình
26		210076	Nguyễn Hữu Lộc	Thái Bình	Điện	6.60	Trung bình
27		210067	Phan Cảnh Kỳ	Thái Bình	Điện	4.60	Hồng
28		210117	Lê Huỳnh Anh Tuấn	Thái Bình	Điện	6.60	Trung bình
29		210053	Trần Huy Hoàng	Thái Bình	Điện	4.60	Hồng
30		210052	Nguyễn Hoàng	Thái Bình	Điện	4.00	Hồng

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	Học sinh trường	Môn thi	Điểm phúc khảo	
						LT	KQXL
31	HĐ 19: Tân Phong	806195	Nguyễn Hoài Bảo	Dương Văn Dương	Tin học	5.00	Trung bình
32		806284	Ngô Vũ Hải	Dương Văn Dương	Tin học	5.00	Trung bình
33		806507	Lê Trần Thảo Ngân	Dương Văn Dương	Tin học	5.00	Trung bình
34		806555	Phan Thành Nhật	Dương Văn Dương	Tin học	4.20	Hồng
35		806700	Nguyễn Thanh Thảo	Dương Văn Dương	Tin học	5.00	Trung bình
36		806757	Nguyễn Thị Anh Thư	Dương Văn Dương	Tin học	4.60	Hồng
37		806913	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Dương Văn Dương	Tin học	8.40	Khá
38		806934	Nguyễn Thị Như Ý	Dương Văn Dương	Tin học	6.60	Trung bình
39		806946	Võ Hồng Yến	Dương Văn Dương	Tin học	4.40	Hồng
40	HĐ 67: Nguyễn Thái Bình	831757	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Thái Bình	Tin học	2.80	Hồng
41		831815	Trần Đình Trọng Đạt	Nguyễn Thái Bình	Tin học	4.00	Hồng
42		831831	Đỗ Minh Hải	Nguyễn Thái Bình	Tin học	5.00	Trung bình
43		831931	Huỳnh Trần Lâm	Nguyễn Thái Bình	Tin học	2.60	Hồng
44		832008	Huỳnh Thị Bích Ngọc	Nguyễn Thái Bình	Tin học	4.20	Hồng
45		832045	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Nguyễn Thái Bình	Tin học	4.60	Hồng
46		832105	Nguyễn Hà Phương	Nguyễn Thái Bình	Tin học	5.00	Trung bình
47		832123	Dương Ngọc Quân	Nguyễn Thái Bình	Tin học	4.60	Hồng
48		832177	Lu Kỳ Thành	Nguyễn Thái Bình	Tin học	5.00	Trung bình
49		832182	Diệp Ngọc Xuân Thảo	Nguyễn Thái Bình	Tin học	5.00	Trung bình
50		832211	Vũ Tiến Thọ	Nguyễn Thái Bình	Tin học	5.00	Trung bình
51		832277	Bùi Tuyết Trình	Nguyễn Thái Bình	Tin học	3.60	Hồng
52		832315	Trần Khánh Tuệ	Nguyễn Thái Bình	Tin học	2.80	Hồng
53		832320	Trương Anh Tùng	Nguyễn Thái Bình	Tin học	5.00	Trung bình
54		832334	Dương Nguyễn Yến Vân	Nguyễn Thái Bình	Tin học	5.00	Trung bình
55		505575	Nin Bội Ân	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	5.00	Trung bình
56		505581	Phan Gia Bảo	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	4.20	Hồng
57		505590	Trần Tuấn Danh	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	3.00	Hồng
58		505600	Lê Minh Đạt	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	4.40	Hồng
59		505626	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	4.20	Hồng
60		505650	Nguyễn Minh Khôi	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	4.60	Hồng
61		505715	Hoàng Đức Phi	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	4.20	Hồng
62		505727	Nguyễn Chánh Quang	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	4.20	Hồng
63		505741	Ngô Bá Thái	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	4.40	Hồng

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	Học sinh trường	Môn thi	Điểm phúc khảo	
						LT	KQXL
64	HĐ 17: Ngô Quyền	202247	Đoàn Thị Ngọc Ánh	Bình Khánh	Điện	5.00	Trung bình
65		202250	Đỗ Thiên Bảo	Bình Khánh	Điện	4.00	Hồng
66		202253	Phan Nguyễn Bảo	Bình Khánh	Điện	4.00	Hồng
67		202321	Phạm Thị Trúc Giang	Bình Khánh	Điện	5.00	Trung bình
68		202393	Hồ Minh Khôi	Bình Khánh	Điện	4.40	Hồng
69		202628	Huỳnh Thị Thùy Trang	Bình Khánh	Điện	4.20	Hồng
70		805501	Nguyễn Long Hiệp	Bình Khánh	Tin học	4.00	Hồng
71		805527	Huỳnh Phạm Kim Khoa	Bình Khánh	Tin học	8.80	Khá
72	HĐ 52: Tân Thông Hội	101196	Triệu Hoàng Hồng Hân	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.80	Hồng
73		101199	Nguyễn Thị Thu Hiền	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.40	Hồng
74		101215	Trần Hùng Hưng	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.60	Hồng
75		101261	Trần Phi Long	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.20	Hồng
76		101279	Nguyễn Ngọc Trà My	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	5.00	Trung bình
77		101284	Nguyễn Hoài Nam	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	5.00	Trung bình
78		101322	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	5.20	Trung bình
79		101376	Nguyễn Như Quỳnh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	5.00	Trung bình
80		101433	Hồ Việt Tiếp	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.80	Hồng
81		101434	Nguyễn Lê Trí Tín	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.20	Hồng
82		101440	Võ Huỳnh Ngọc Trâm	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.60	Hồng
83		101464	Đinh Thái Tuấn	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.60	Hồng
84	HĐ 77: Hồng Đức	508170	Lê Hà Quế Trân	Minh Đức	Nhiếp ảnh	4.40	Hồng
85	HĐ 53: Trung Phú	101571	Võ Phạm Duy	Trung Phú	Chăn nuôi	4.00	Hồng
86		101587	Nguyễn Tiến Đạt	Trung Phú	Chăn nuôi	5.00	Trung bình
87		101611	Nguyễn Nhật Hào	Trung Phú	Chăn nuôi	4.80	Hồng
88		101653	Võ Thị Tuyết Hương	Trung Phú	Chăn nuôi	4.40	Hồng
89		101744	Đoàn Thị Bích Ngọc	Trung Phú	Chăn nuôi	4.20	Hồng
90		101770	Lê Thị Yên Nhi	Trung Phú	Chăn nuôi	4.60	Hồng
91		101794	Nguyễn Quỳnh Như	Trung Phú	Chăn nuôi	5.00	Trung bình
92		101795	Nguyễn Quỳnh Như	Trung Phú	Chăn nuôi	4.00	Hồng
93		101854	Lê Anh Quy	Trung Phú	Chăn nuôi	5.00	Trung bình
94		101848	Nguyễn Thanh Quang	Trung Phú	Chăn nuôi	4.20	Hồng
95		101877	Trương Phát Tài	Trung Phú	Chăn nuôi	4.60	Hồng
96		101879	Trần Khánh Tâm	Trung Phú	Chăn nuôi	5.00	Trung bình
97		102027	Trần Nam Vinh	Trung Phú	Chăn nuôi	3.40	Hồng
98		101578	Phan Thị Thùy Dương	Phú Hòa	Chăn nuôi	3.80	Hồng

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	Học sinh trường	Môn thi	Điểm phúc khảo	
						LT	KQXL
99		101605	Lê Thị Ngọc Hạnh	Phú Hòa	Chăn nuôi	4.60	Hồng
100		101778	Phạm Nguyễn Ý Nhi	Phú Hòa	Chăn nuôi	4.60	Hồng
101		101800	Trần Thị Quỳnh Như	Phú Hòa	Chăn nuôi	3.80	Hồng
102		101943	Bùi Anh Tín	Phú Hòa	Chăn nuôi	3.80	Hồng
103		101976	Huỳnh Thanh Trúc	Phú Hòa	Chăn nuôi	3.80	Hồng
104		101991	Nguyễn Trần Minh Trường	Phú Hòa	Chăn nuôi	6.80	Trung bình
105	HĐ 16: Phạm Phú Thứ	202035	Lý Thanh Hùng	Phan Bội Châu	Điện	5.00	Trung bình
106		202068	Nguyễn Hoàng Trúc Lan	Phan Bội Châu	Điện	4.20	Hồng
107		202081	Trần Khánh Long	Phan Bội Châu	Điện	4.40	Hồng
108		202193	Trương Phạm Thị Quế Trân	Phan Bội Châu	Điện	4.60	Hồng
109	HĐ 28: Nguyễn An Ninh	403065	Dương Công Bảo Long	Nguyễn An Ninh	Nấu ăn	5.00	Trung bình
110		811612	Nguyễn Thế Quang	Nguyễn An Ninh	Tin học	6.80	Trung bình
111	HĐ 59: Nguyễn Trung Trực	827546	Phạm Thế Đức	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.00	Trung bình
112		827971	Lại Thị Ngọc Phượng	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.60	Hồng
113		827982	Bùi Minh Quân	Nguyễn Trung Trực	Tin học	3.80	Hồng
114		828189	Đỗ Hoàng Minh Triết	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.00	Trung bình
115		828040	Nguyễn Thành Tân	Nguyễn Trung Trực	Tin học	2.80	Hồng
116		827974	Nguyễn Hoàng Minh Quang	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.60	Hồng
117		827545	Phạm Minh Đức	Nguyễn Trung Trực	Tin học	4.20	Hồng
118		827442	Hoàng Đình Diên Ân	Nguyễn Trung Trực	Tin học	5.00	Trung bình
119		203856	Lý Bội Dinh	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Điện	4.60	Hồng
120	HĐ 31: Nam Kỳ Khởi Nghĩa	203859	Lê Kiều Duyên	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Điện	4.60	Hồng
121		203868	Lê Thị Ngọc Giàu	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Điện	4.80	Hồng
122		203873	Trịnh Gia Hào	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Điện	5.00	Trung bình
123		203951	Trịnh Gia Phương	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Điện	5.00	Trung bình
124		203952	Huỳnh Nhật Quang	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Điện	5.00	Trung bình
125		203960	Đổng Kiến Tài	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Điện	5.00	Trung bình
126		203964	Nguy Ân Thái	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Điện	4.60	Hồng
127		203970	Trần Quốc Thịnh	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Điện	4.60	Hồng
128		203979	Lai Quỳnh Thy	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Điện	4.60	Hồng
129		203989	Tăng Nguyễn Thục Trinh	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Điện	4.60	Hồng
130		813480	Nguyễn Thị Mỹ Dy	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	5.00	Trung bình
131		813487	Nguyễn Tấn Đạt	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	5.00	Trung bình
132		813492	Nguyễn Hoàng Đăng	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	4.60	Hồng
133		813503	Tôn Trần Nghệ Gia	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	5.00	Trung bình

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh		Học sinh trường	Môn thi	Điểm phúc khảo		
							LT	KQXL	
134		813584	Nim Chí	Hỷ	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	5.00	Trung bình	
135		813590	Nguyễn Hữu	Khang	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	5.00	Trung bình	
136		813643	Diệp Gia	Linh	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	5.00	Trung bình	
137		813763	Nguyễn Thị Ý	Nhi	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	5.00	Trung bình	
138		813799	Nguyễn Vương	Phát	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	5.00	Trung bình	
139		813874	Huỳnh Mỹ	Tâm	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	5.00	Trung bình	
140		813940	Lê Nguyễn Trường	Thương	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	5.00	Trung bình	
141		814015	Nguyễn Thiên	Tường	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	5.00	Trung bình	
142		814031	Nguyễn Cát Tường	Vi	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	4.60	Hồng	
143		814040	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	5.00	Trung bình	
144		HD 48: Trần Văn Giàu	823395	Nguyễn Ngọc Khánh	Ngân	Trần Văn Giàu	Tin học	4.20	Hồng
145		HD 60: Gò Vấp	828558	Trần Ngọc Hiền	Lam	Việt Nhật	Tin học	4.20	Hồng
146	825819		Trương Phú Quỳnh	Trang	Việt Nhật	Tin học	4.20	Hồng	
147	828736		Trần Thị Thu	Quỳnh	Việt Nhật	Tin học	4.40	Hồng	
148	HD 35: Thanh Lộc	204455	Chung Lê Hoài	Nhân	Thanh Lộc	Điện	4.80	Hồng	
149		204554	Nguyễn Hùng	Tín	Thanh Lộc	Điện	4.60	Hồng	
150		204403	Tôn Thị Thùy	Linh	Thanh Lộc	Điện	4.00	Hồng	
151	HD 81: Nguyễn Hữu Huân	836361	Hồ Thị	Hoàng	TT.GDNN-GDTX Q. Thủ Đức	Tin học	4.20	Hồng	
152		836392	Trần Thị Tuyết	Sương	TT.GDNN-GDTX Q. Thủ Đức	Tin học	3.60	Hồng	
153		836410	Sơn Hoàng	Trọng	TT.GDNN-GDTX Q. Thủ Đức	Tin học	4.60	Hồng	
154		836412	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	TT.GDNN-GDTX Q. Thủ Đức	Tin học	3.00	Hồng	
155		405191	Nguyễn Thaành	Châu	TT.GDNN-GDTX Q. Thủ Đức	Nấu ăn	5.00	Trung bình	
156		405198	Phạm Gia	Hân	TT.GDNN-GDTX Q. Thủ Đức	Nấu ăn	5.00	Trung bình	
157		405210	Bùi Hữu	Luân	TT.GDNN-GDTX Q. Thủ Đức	Nấu ăn	5.00	Trung bình	
158		405225	Nguyễn Yên	Như	TT.GDNN-GDTX Q. Thủ Đức	Nấu ăn	3.80	Hồng	
159		405230	Lý Đức	Phúc	TT.GDNN-GDTX Q. Thủ Đức	Nấu ăn	5.00	Trung bình	
160		405215	Hoàng Châu Trà	My	TT.GDNN-GDTX Q. Thủ Đức	Nấu ăn	5.00	Trung bình	
161		405253	Đào Trương Anh	Thư	TT.GDNN-GDTX Q. Thủ Đức	Nấu ăn	5.00	Trung bình	
162		405244	Nguyễn Trần Thanh	Thảo	TT.GDNN-GDTX Q. Thủ Đức	Nấu ăn	5.00	Trung bình	
163		405267	Trương Minh	Uyên	TT.GDNN-GDTX Q. Thủ Đức	Nấu ăn	4.00	Hồng	
164		405542	Đinh Nguyễn Thùy	Trang	TT.GDNN-GDTX Q. Thủ Đức	Nấu ăn	3.40	Hồng	

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	Học sinh trường	Môn thi	Điểm phúc khảo	
						LT	KQXL
165	HĐ 45: Hoàng Hoa Thám	821954	Nguyễn Hữu Khang	Hoàng Hoa Thám	Tin học	4.00	Hồng
166		206687	Mai Hữu Nam	Hoàng Hoa Thám	Điện	4.40	Hồng
167		206593	Nguyễn Nhật Trường An	Hoàng Hoa Thám	Điện	6.80	Trung bình
168		206734	Đoàn Minh Phuong	Hoàng Hoa Thám	Điện	4.80	Hồng
169		206788	Nguyễn Ngọc Minh Tú	Hoàng Hoa Thám	Điện	4.60	Hồng
170	HĐ 07: Nguyễn Thị Diệu	801476	Phạm Việt Dũng	Việt Úc (VAS)	Tin học	4.60	Hồng
171		801737	Mai Ngọc Huyền Vy	Việt Úc (VAS)	Tin học	4.40	Hồng
172		801689	Hồ Xuân Nguyên Thụy	Việt Úc (VAS)	Tin học	4.20	Hồng
173	HĐ 34: Võ Trường Toàn	403283	Trần Lê Nhật Huy	Võ Trường Toàn	Nấu ăn	5.00	Trung bình
174		815599	Trần Thanh Nguyên	Võ Trường Toàn	Tin học	4.40	Hồng
175	HĐ 24: Tạ Quang Bửu	809930	Nguyễn Phan Nguyên Anh	Tạ Quang Bửu	Tin học	3.80	Hồng
176		809934	Huỳnh Nguyễn Bảo	Tạ Quang Bửu	Tin học	4.20	Hồng
177		809949	Nguyễn Thị Phương Dung	Tạ Quang Bửu	Tin học	4.40	Hồng
178		810080	Phạm Thị Kiều Oanh	Tạ Quang Bửu	Tin học	5.00	Trung bình
179		810136	Nguyễn Ngọc Ánh Thư	Tạ Quang Bửu	Tin học	5.00	Trung bình
180		203428	Nguyễn Lý Gia Thanh	Tạ Quang Bửu	Điện	2.80	Hồng
181	HĐ 05: Lê Quý Đôn	700243	Nguyễn Ngọc Vũ Thái	Nguyễn Thị Minh Khai	TCMN	5.00	Trung bình
182	HĐ 78: TT.GDNN-GDTX Q. Tân Phú	835987	Hà Thị Anh Thư	Vĩnh Viễn	Tin học	4.60	Hồng
183		835584	Trần Minh Dũng	Vĩnh Viễn	Tin học	4.00	Hồng
184		835851	Ngô Ngọc Thu Nhung	Vĩnh Viễn	Tin học	4.60	Hồng
185		835969	Lê Anh Thiện	Vĩnh Viễn	Tin học	4.20	Hồng
186		836044	Nguyễn Minh Trí	Vĩnh Viễn	Tin học	4.40	Hồng
187	HĐ 51: Quang Trung	824196	Cao Hiếu Nghĩa	Trung Lập	Tin học	8.60	Khá
188		101039	Phạm Thị Thanh Trúc	Quang Trung	Chăn nuôi	5.00	Trung bình
189		100872	Lê Phương Nhi	Quang Trung	Chăn nuôi	5.00	Trung bình
190		100985	Nguyễn Phương Hồng Thúy	Quang Trung	Chăn nuôi	5.00	Trung bình
191	HĐ 06: Marie Curie	200103	Lâm Quang Huy	Marie Curie	Điện	3.20	Hồng
192		200127	Hà Kim Tản Kiệt	Marie Curie	Điện	5.00	Trung bình
193		200147	Nguyễn Lê Minh Nam	Marie Curie	Điện	4.00	Hồng
194		200190	Nguyễn Thị Diễm Thi	Marie Curie	Điện	3.40	Hồng
195		502318	Nguyễn Lê Quỳnh Lam	Marie Curie	Nhiếp ảnh	6.80	Trung bình
196		502342	Dư Thục Nhi	Marie Curie	Nhiếp ảnh	7.20	Khá
197		700457	Nguyễn Minh Khang	Marie Curie	TCMN	6.80	Trung bình
198		700569	Nguyễn Thiên Nhân	Marie Curie	TCMN	4.60	Hồng
199		700696	Trần Bảo Anh Thư	Marie Curie	TCMN	8.80	Khá

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	Học sinh trường	Môn thi	Điểm phúc khảo	
						LT	KQXL
200	HĐ 23: Ngô Gia Tự	809703	Hồ Thanh Thảo	Ngô Gia Tự	Tin học	5.00	Trung bình
201		809776	Vô Thanh Ti	Nguyễn Văn Linh	Tin học	5.00	Trung bình
202		809498	Nguyễn Minh Ngọc	Nguyễn Văn Linh	Tin học	4.60	Hồng
203		809135	Nguyễn Ngọc Minh Anh	Nguyễn Văn Linh	Tin học	4.40	Hồng
204	HĐ 33: Trường Chinh	204058	Nguyễn Trí Định	Trường Chinh	Điện	5.00	Trung bình
205	HĐ 56: Lý Thường Kiệt	825412	Trần Hoàng Hạ	Lý Thường Kiệt	Tin học	4.60	Hồng
206		825518	Lê Thị Phương Quỳnh	Lý Thường Kiệt	Tin học	4.60	Hồng
207	HĐ 74: Nam Việt	210817	Phan Tiến Lâm	Nam Việt	Điện	3.80	Hồng
208		210819	Bùi Khánh Linh	Nam Việt	Điện	4.20	Hồng
209		211185	Võ Nguyễn Hữu Toàn	Nam Việt	Điện	3.00	Hồng
210		210814	Nguyễn Trần Khánh Lam	Nam Việt	Điện	5.00	Trung bình
211		210786	Đậu Thanh Anh Khoa	Nam Việt	Điện	3.20	Hồng
212		210801	Phan Gia Kiệt	Nam Việt	Điện	4.60	Hồng
213	HĐ 58: Phạm Văn Sáng	826175	Nguyễn Thị Mai Anh	Phạm Văn Sáng	Tin học	4.60	Hồng
214		826485	Bùi Trọng Quốc Khánh	Phạm Văn Sáng	Tin học	4.40	Hồng
215	HĐ 85: Ngô Thời Nhiệm	837902	Hồ Thiên Lộc	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	4.00	Hồng
216		837780	Trần Quốc Huy	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	3.40	Hồng
217		837654	Nguyễn Tiến Đạt	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	4.60	Hồng
218		857546	Trần Đức Anh	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	3.80	Hồng
219	HĐ 40: Nguyễn Hữu Cảnh	819861	Phạm Thị Hồng Yến	Nguyễn Hữu Cảnh	Tin học	4.60	Hồng
220		819094	Trang Chấn Khải	Nguyễn Hữu Cảnh	Tin học	5.00	Trung bình
221		819249	Nguyễn Huy Nam	Nguyễn Hữu Cảnh	Tin học	4.60	Hồng
222		819236	Võ Trường Quang Minh	Nguyễn Hữu Cảnh	Tin học	4.60	Hồng
223		819257	Vũ Thị Nga	Nguyễn Hữu Cảnh	Tin học	5.00	Trung bình
224		819660	Lê Nhựt Tiến	Nguyễn Hữu Cảnh	Tin học	4.60	Hồng
225		819480	Trần Nguyễn Nhất Quỳnh	Nguyễn Hữu Cảnh	Tin học	5.00	Trung bình
226		819358	Hồ Thiị Quỳnh Như	Nguyễn Hữu Cảnh	Tin học	4.60	Hồng
227		819442	Dương Tiêu Quân	Nguyễn Hữu Cảnh	Tin học	4.60	Hồng
228		819035	Vô Thị Mỹ Hồng	Nguyễn Hữu Cảnh	Tin học	5.00	Trung bình
229	HĐ 57: Bà Điểm	825837	Ngô Kim Mạnh	Việt Âu	Tin học	5.00	Trung bình
230		201971	Vô Thành Khánh An	Quốc Trí	Điện	3.40	Hồng
231		201983	Đặng Quốc Bảo	Quốc Trí	Điện	3.60	Hồng
232		201993	Đinh Công Dẫn	Quốc Trí	Điện	3.80	Hồng
233		202000	Nguyễn Trí Dũng	Quốc Trí	Điện	3.60	Hồng
234		202014	Phạm Gia Đông	Quốc Trí	Điện	4.60	Hồng

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	Học sinh trường	Môn thi	Điểm phúc khảo	
						LT	KQXL
235	HĐ 16: Phạm Phú Thứ	202027	Nguyễn Trọng Hiếu	Quốc Trí	Điện	4.40	Hồng
236		202029	Tô Vĩnh Hòa	Quốc Trí	Điện	4.40	Hồng
237		202032	Nguyễn Tấn Hoàng	Quốc Trí	Điện	4.40	Hồng
238		202034	Trần Việt Hoàng	Quốc Trí	Điện	4.00	Hồng
239		202044	Ngô Quốc Hưng	Quốc Trí	Điện	5.00	Trung bình
240		202045	Nguyễn Trần Khánh Hưng	Quốc Trí	Điện	4.40	Hồng
241		202046	Lê Thanh Hương	Quốc Trí	Điện	4.00	Hồng
242		202051	Trịnh Thiên Khải	Quốc Trí	Điện	4.60	Hồng
243		202069	Phan Phúc Tùng Lâm	Quốc Trí	Điện	2.60	Hồng
244		202077	Huỳnh Kim Loan	Quốc Trí	Điện	3.80	Hồng
245		202079	Châu Dương Ngọc Long	Quốc Trí	Điện	4.20	Hồng
246		202082	Hồ Tấn Lợi	Quốc Trí	Điện	3.00	Hồng
247		202092	Châu Hải My	Quốc Trí	Điện	3.40	Hồng
248		202100	Nguyễn Nhật Nam	Quốc Trí	Điện	4.00	Hồng
249		202106	Trần Thị Kim Ngân	Quốc Trí	Điện	4.20	Hồng
250		202113	Quách Mỹ Ngọc	Quốc Trí	Điện	3.80	Hồng
251		202118	Trương Ngọc Thanh Nhã	Quốc Trí	Điện	3.60	Hồng
252		202135	Nguyễn Thành Phát	Quốc Trí	Điện	4.00	Hồng
253		202138	Trần Phôi Phôi	Quốc Trí	Điện	4.20	Hồng
254		202150	Văn Trọng Quý	Quốc Trí	Điện	3.40	Hồng
255		202159	Đào Lê Minh Sang	Quốc Trí	Điện	4.20	Hồng
256		202161	Hà Thanh Tài	Quốc Trí	Điện	2.60	Hồng
257		202166	Dương Kiên Tân	Quốc Trí	Điện	3.40	Hồng
258		202182	Trần Hoàn Mỹ Tiên	Quốc Trí	Điện	4.20	Hồng
259		202186	Đàm Phát Toàn	Quốc Trí	Điện	2.80	Hồng
260		202203	Mai Thanh Tuấn	Quốc Trí	Điện	4.40	Hồng
261		202204	Nguyễn Hoàng Tuấn	Quốc Trí	Điện	4.40	Hồng
262		202218	Nguyễn Cao Tường Vy	Quốc Trí	Điện	4.60	Hồng
263		202095	Nguyễn Trần Yến My	Quốc Trí	Điện	2.80	Hồng
264		202055	Phạm Nguyễn Kim Khánh	Quốc Trí	Điện	4.00	Hồng
265		202142	Lê Hoàng Phúc	Quốc Trí	Điện	3.00	Hồng
266		202221	Nguyễn Thanh Vy	Quốc Trí	Điện	3.00	Hồng
267		202228	Trần Lê Ngọc Xuyên	Quốc Trí	Điện	4.40	Hồng
268		203832	Nguyễn Thị Vui	TT.GDNN-GDTX Q. 11	Điện	6.60	Trung bình
269		811935	Nguyễn Đức Duy	Trần Hữu Trang	Tin học	5.00	Trung bình

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	Học sinh trường	Môn thi	Điểm phúc khảo	
						LT	KQXL
270	HĐ 29: Nguyễn Hiền	812206	Lý Ngọc Ngân	Trần Hữu Trang	Tin học	5.00	Trung bình
271		812367	Nguyễn Thới Minh Quân	Trần Hữu Trang	Tin học	5.00	Trung bình
272		503704	Nguyễn Hoàng Phúc	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	5.00	Trung bình
273		503707	Nguyễn Đức Thành Phương	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	5.20	Trung bình
274		503715	Huỳnh Chí Tài	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	4.80	Hồng
275		503719	Phạm Phương Thảo	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	4.80	Hồng
276		503749	Phạm Thị Thảo Vy	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	5.00	Trung bình
277		503750	Trần Thị Yến Vy	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	5.00	Trung bình
278		503670	Nguyễn Minh Khoa	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	4.60	Hồng
279		503668	Nguyễn Gia Khánh	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	4.40	Hồng
280		503674	Trần Bảo Thế Khương	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	4.40	Hồng
281		503701	Phạm Thanh Phong	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	4.20	Hồng
282		503720	Vũ Bảo Thắng	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	4.20	Hồng
283		503737	Nguyễn Quốc Trung	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	4.20	Hồng
284		503703	Huỳnh Trương Phúc	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	3.80	Hồng
285		503734	Chung Hạnh Trân	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	3.80	Hồng
286		503716	Nguyễn Tấn Tài	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	3.40	Hồng
287		503743	Trần Nam Quang Vinh	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	3.40	Hồng
288		503748	Nguyễn Lê Tường Vy	Trần Nhân Tông	Nhiếp ảnh	3.40	Hồng
289	HĐ 27: Nguyễn Du	701051	Dương Gia Huy	Nguyễn Du	TCMN	7.20	Khá
290	HĐ 26: Nguyễn Khuyến	811050	Trần Anh Thư	THTH Sài Gòn	Tin học	4.00	Hồng
291		810900	Trần Ngọc Minh Phương	THTH Sài Gòn	Tin học	4.60	Hồng
292		810402	Nguyễn Minh Quỳnh Châu	THTH Sài Gòn	Tin học	4.40	Hồng
293	HĐ 09: Nguyễn Hữu Thọ	801871	Lee Jeong Ah	QT Canada	Tin học	5.00	Trung bình
294		801926	Vũ Kiều Khánh Hà	QT Canada	Tin học	5.00	Trung bình
295		802172	Nguyễn Anh Vũ	QT Canada	Tin học	5.00	Trung bình
296	HĐ 39: An Lạc	818745	Kiều Trúc Vy	Phan Châu Trinh	Tin học	3.20	Hồng
297	HĐ 77: Hồng Đức	507459	Nguyễn Ngọc Ánh	Phan Châu Trinh	Nhiếp ảnh	4.60	Hồng
298		507471	Nguyễn Quốc Bảo	Phan Châu Trinh	Nhiếp ảnh	4.40	Hồng
299		507610	Trương Tấn Hiệp	Phan Châu Trinh	Nhiếp ảnh	4.80	Hồng
300		507623	Phạm Đức Hòa	Phan Châu Trinh	Nhiếp ảnh	7.20	Khá
301		507636	Võ Anh Hoàng	Phan Châu Trinh	Nhiếp ảnh	4.80	Hồng
302		507943	Nguyễn Thành Phát	Phan Châu Trinh	Nhiếp ảnh	5.00	Trung bình
303		508071	Trần Loan Thảo	Phan Châu Trinh	Nhiếp ảnh	4.80	Hồng
304		508098	Huỳnh Hoàng Thông	Phan Châu Trinh	Nhiếp ảnh	4.80	Hồng

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	Học sinh trường	Môn thi	Điểm phúc khảo	
						LT	KQXL
305	HĐ 61: Nguyễn Công Trứ	828960	Phạm Cao Cường	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.40	Hồng
306		828968	Lê Hoàng Kiều Dung	Phạm Ngũ Lão	Tin học	5.00	Trung bình
307		828985	Nguyễn Hồng Kỳ Duyên	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.00	Hồng
308		828987	Trần Thị Mỹ Duyên	Phạm Ngũ Lão	Tin học	5.00	Trung bình
309		829061	Nguyễn Duy Hiếu	Phạm Ngũ Lão	Tin học	5.00	Trung bình
310		829177	Bùi Nhật Quốc Minh	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.20	Hồng
311		829194	Trần Thị Diễm My	Phạm Ngũ Lão	Tin học	5.00	Trung bình
312		829199	Nguyễn Văn Nam	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.00	Hồng
313		829208	Nguyễn Tuyết Ngân	Phạm Ngũ Lão	Tin học	5.00	Trung bình
314		829214	Trần Thị Phước Ngân	Phạm Ngũ Lão	Tin học	3.60	Hồng
315		829245	Nguyễn Quỳnh Nhi	Phạm Ngũ Lão	Tin học	5.00	Trung bình
316		829284	Lê Cao Hoàng Phụng	Phạm Ngũ Lão	Tin học	5.00	Trung bình
317		829289	Bùi Lê Phương	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.40	Hồng
318		829321	Hồng Việt Minh Quân	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.20	Hồng
319		829430	Trần Anh Thư	Phạm Ngũ Lão	Tin học	5.00	Trung bình
320		829498	Trần Thanh Tuyền	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.40	Hồng
321		829535	Nguyễn Đình Khánh Vy	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.20	Hồng
322	HĐ 03: Tenloman	500905	Nguyễn Hữu Bình	Tenloman	Nhiếp ảnh	4.80	Hồng
323		500523	Trần Gia Xương	Tenloman	Nhiếp ảnh	4.60	Hồng
324		501469	Nguyễn Đình Quốc Uy	Tenloman	Nhiếp ảnh	4.60	Hồng
325		500921	Quách Thành Danh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	3.00	Hồng
326		500946	Nguyễn Niên Hải Dương	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.80	Hồng
327		501001	Huỳnh Nguyễn Phú Hiên	Đức Trí	Nhiếp ảnh	5.20	Trung bình
328		501079	Doãn Trần Anh Khôi	Đức Trí	Nhiếp ảnh	5.00	Trung bình
329		501363	Đào Duy Thông	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.80	Hồng
330		501393	Thái Ngọc Đan Thy	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.80	Hồng
331		501400	Trần Minh Tín	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.60	Hồng
332		501428	Nghê Hoàng Thanh Bảo Trân	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.20	Hồng
333		501456	Đinh Khắc Hoàng Tuấn	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.60	Hồng
334		501495	Trần Gia Vương	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.00	Hồng
335		501478	Nguyễn Võ Minh Uyên	Đức Trí	Nhiếp ảnh	6.60	Trung bình
336	HĐ 10: Nguyễn Trãi	802656	Nguyễn Thị Anh Thư	Nguyễn Trãi	Tin học	5.00	Trung bình
337		802346	Cao Minh Huy	Đức Trí	Tin học	4.60	Hồng
338		802442	Huỳnh Nhật Minh	Đức Trí	Tin học	4.40	Hồng
339		802489	Lê Như Ngọc	Đức Trí	Tin học	5.00	Trung bình

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	Học sinh trường	Môn thi	Điểm phúc khảo	
						LT	KQXL
340		802508	Nguyễn Chí Nhân	Đức Trí	Tin học	5.00	Trung bình
341		802512	Nguyễn Anh Nhật	Đức Trí	Tin học	4.20	Hồng
342		802513	Nguyễn Văn Nhật	Đức Trí	Tin học	5.00	Trung bình
343	HĐ 46: Phan Đăng Lưu	207049	Nguyễn Ngọc Nguyễn	Phan Đăng Lưu	Điện	5.00	Trung bình
344	HĐ 25: Diên Hồng	203738	Phan Minh Tuấn	TT. GDTX Chu Văn An	Điện	4.60	Hồng
345		203649	Nguyễn Ngọc Châu	TT. GDTX Chu Văn An	Điện	4.60	Hồng
346		203733	Trần Minh Tú	TT. GDTX Chu Văn An	Điện	5.00	Trung bình
347		503538	Trần Thị Mỹ Vy	TT. GDTX Chu Văn An	Nhiếp ảnh	4.20	Hồng
348	HĐ 32: Trần Quang Khải	814217	Phan Thị Bích Huyền	Trần Quang Khải	Tin học	5.00	Trung bình
349	HĐ 78: Hiệp Bình	211985	Kiều Hữu Đức	Hiệp Bình	Điện	4.40	Hồng
350		211989	Phạm Thị Hương Giang	Hiệp Bình	Điện	7.60	Khá
351		211990	Võ Thị Quế Giang	Hiệp Bình	Điện	7.20	Khá
352		212077	Chung Mẫn Nghi	Hiệp Bình	Điện	4.60	Hồng
353		212088	Lê Thị Yến Nhi	Hiệp Bình	Điện	5.00	Trung bình
354		212165	Phạm Bảo Trân	Hiệp Bình	Điện	4.80	Hồng
355		212195	Nguyễn Triệu Vy	Hiệp Bình	Điện	4.20	Hồng
356	HĐ 20: Phước Kiển	202952	Nguyễn Thị Huyền Trân	Long Thới	Điện	4.60	Hồng
357		202945	Nguyễn Thị Tiên	Long Thới	Điện	5.00	Trung bình
358		202891	Lê Thành Nhân	Long Thới	Điện	4.60	Hồng
359		202963	Ngô Hoàng Tuấn	Long Thới	Điện	4.60	Hồng
360		202899	Nguyễn Thị Đan Như	Long Thới	Điện	5.00	Trung bình

Tổng kết danh sách có: 360 thí sinh./.

DUYỆT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
 (đã ký)
Nguyễn Văn Hiếu

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG PHÚC KHẢO
 (đã ký)

Lê Duy Tân